

# **ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI**

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Ngân hàng TMCP Quân đội là Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ liên quan đến hoạt động tài chính tiền tệ ngân hàng theo quy định của pháp luật, phục vụ các doanh nghiệp Quân đội và các thành phần kinh tế khác vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 27 tháng 10 năm 2002 và được hiệu chỉnh theo ý kiến của các cổ đông ngày 01/06/2007.

## **CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

### **Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:
  - a. "Địa bàn kinh doanh" là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước mà tại đó Ngân hàng được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
  - b. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
  - c. "Cổ tức" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Ngân hàng để trả cho mỗi cổ phần.
  - d. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.
  - e. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
  - f. "Cổ đông sáng lập" là các tổ chức và cá nhân tham gia thành lập Ngân hàng và được quy định cụ thể tại Điều lệ này.
  - g. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
  - h. "Luật các tổ chức tín dụng" có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997.
  - i. "Vốn pháp định" là vốn tối thiểu theo yêu cầu của luật pháp để thành lập Ngân hàng.
  - j. "Cổ đông lớn" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của Ngân hàng.

- k. "Ban điều hành" có nghĩa là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Ban điều hành của Ngân hàng.
  - l. "NHNN" có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  - m. "Cổ phần" là Vốn Điều lệ của Ngân hàng được chia thành các phần bằng nhau.
  - n. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu của Ngân hàng là cổ phiếu ghi tên theo quy định tại Điều lệ này.
  - o. "Cổ đông" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.
  - p. "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được NHNN chấp thuận.
  - q. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
  3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG**

### **Điều 2. Tên, Địa chỉ và Thời gian hoạt động của Ngân hàng**

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 do Thống đốc NHNN cấp và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tên của Ngân hàng là : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.  
 Tên gọi tắt là : Ngân hàng TMCP Quân đội.  
 Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Military Commercial Joint Stock Bank  
 Tên viết tắt bằng tiếng Anh : Military Bank, hoặc MB
3. Trụ sở chính đặt tại : 28A Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.  
 Điện thoại: (04) 823 2883 Fax: (04) 823 3335
4. Ngân hàng hiện có các chi nhánh cấp 1 và công ty trực thuộc như sau :
  - a. Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Thành phố Hồ Chí Minh  
 Địa chỉ : 18B - Đường Cộng Hòa - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh  
 Điện thoại : (08) 811 8090 Fax: (08) 811 8082
  - b. Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Thành phố Hải phòng

Địa chỉ : Số 2 Lạch Tray - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : (031) 73 9124 Fax : (031) 73 9120

- c. Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long trực thuộc Ngân hàng TMCP Quân đội

Địa chỉ : 14C - Lý Nam Đế - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : (04) 733 7671 Fax : (04) 733 7670

- d. Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội.

Địa chỉ : Số 6-8 Chùa Bộc - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : (04) 852 9108 Fax : (04) 852 9111

5. Ngân hàng được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Ngân hàng do các cổ đông đóng góp, được nhận cổ tức và cùng chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng tương ứng với phần vốn đã góp vào Ngân hàng. Hệ thống Ngân hàng bao gồm : Hội sở chính, Sở Giao dịch, các Chi nhánh các cấp, các Phòng Giao dịch, điểm giao dịch, các đơn vị và Công ty trực thuộc.

6. Các cơ quan quản lý và điều hành Ngân hàng:

Cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng là Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị là cơ quan thường trực của Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm quản trị ngân hàng giữa hai kỳ đại hội. Ban kiểm soát là cơ quan đại diện cổ đông, có trách nhiệm kiểm tra hoạt động tài chính của ngân hàng.

Thường trực Hội đồng Quản trị do các thành viên Hội đồng Quản trị bầu ra, có trách nhiệm giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng thuộc quyền hạn của Hội đồng Quản trị giữa hai kỳ họp.

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Ngân hàng, phù hợp với pháp luật ngân hàng và các luật khác liên quan. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ và các Phòng ban chức năng tại Hội sở.

7. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt nam trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và quy định của Đảng Cộng sản Việt nam.

Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và quy định của các tổ chức đó.

8. Vốn Điều lệ của Ngân hàng hiện tại là 266.051.000.000 Việt nam đồng (Hai trăm sáu sáu tỷ, năm mươi một triệu đồng chẵn).

9. Ngân hàng có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.

10. Ngân hàng có Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

11. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động.



### CHƯƠNG III. MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

#### Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng

1. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng : Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực sau:
  - Huy động vốn;
  - Cấp tín dụng;
  - Cung ứng các dịch vụ ngân hàng;
  - Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu của Ngân hàng là xây dựng Ngân hàng trở thành :
  - 2.1 Một ngân hàng thương mại đa năng hiện đại;
  - 2.2 Một trong những ngân hàng TMCP hoạt động an toàn, hiệu quả, uy tín nhất;
  - 2.3 Ngân hàng TMCP phục vụ tốt nhất cho các Doanh nghiệp Quân đội, các tổ chức và cá nhân.
3. Mọi thay đổi trong lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của Ngân hàng phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

#### Điều 4. Huy động vốn. Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.
4. Vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

#### Điều 5. Hoạt động cấp tín dụng.

Ngân hàng cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của NHNN.

#### Điều 6. Các hình thức cho vay

Ngân hàng cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống;
2. Cho vay trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống;
3. Các hình thức cho vay khác phù hợp với thực tiễn của thị trường và quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý**

1. Ngân hàng được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
2. Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ, xóa nợ theo quy định của NHNN.

### **Điều 8. Bảo lãnh**

1. Ngân hàng bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác đối với người nhận bảo lãnh theo quy định của NHNN.
2. Ngân hàng được thực hiện bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác mà người nhận bảo lãnh là tổ chức cá nhân nước ngoài theo quy định của NHNN.

### **Điều 9. Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác**

1. Ngân hàng được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác theo quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp chiết khấu, người chủ sở hữu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho Ngân hàng. Trường hợp cầm cố, Ngân hàng được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các giấy tờ đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.
2. Ngân hàng được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Ngân hàng có thể được NHNN tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 10. Công ty cho thuê tài chính**

Ngân hàng thành lập Công ty cho thuê tài chính khi hoạt động cho thuê tài chính.

### **Điều 11. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng**

1. Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại NHNN (Sở giao dịch hoặc chi nhánh NHNN) thành phố Hà Nội và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN. Trường hợp tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ phải mở tài khoản tại Sở Giao dịch NHNN;



2. Sở Giao dịch, Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố, nơi đặt trụ sở của sở giao dịch, chi nhánh.
3. Ngân hàng mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ**

1. Ngân hàng thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:
  - a. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
  - b. Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.
  - c. Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ.
  - d. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.
  - e. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.
  - f. Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.
2. Ngân hàng tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước, tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

#### **Điều 13. Các hoạt động khác**

Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác sau đây:

1. Dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
2. Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam;
3. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN;
4. Kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN cho phép;
5. Được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác và đại lý;
6. Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
7. Cung ứng các dịch vụ:
  - a. Tư vấn tài chính và tiền tệ trực tiếp cho khách hàng hoặc qua các công ty trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật;
  - b. Bảo quản hiện vật quý và các giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, nhận cầm cố và các dịch vụ khác theo quy định của luật pháp;
8. Thành lập các công ty trực thuộc để thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Kinh doanh bất động sản**

Ngân hàng không trực tiếp kinh doanh bất động sản.

#### **Điều 15. Tỷ lệ an toàn**

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Mục V, Chương III của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 16. Quyền hạn của Ngân hàng trong hoạt động kinh doanh.**

1. Ngân hàng có quyền hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và các quy định cụ thể tại Điều 32, Điều 48 và Điều 57 của Điều lệ này.
2. Từ chối quan hệ tín dụng, các quan hệ kinh doanh khác với khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện cho vay, không đem lại hiệu quả kinh tế, không có khả năng thu hồi vốn, hoặc các quan hệ này trái pháp luật.
3. Tự chủ về tài chính, chủ động trong kinh doanh, bảo đảm chi phí và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Ngân hàng;
4. Từ chối cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tiền vay, tài sản của khách hàng và bí mật hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;
5. Được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng. Được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng;

### **CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 17. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
2. Ngân hàng đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng không sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Ngân hàng.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
  - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN.
  - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
  - c. Thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
  - d. Cho vay;
  - e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 18. Thay đổi Vốn Điều lệ**

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi Vốn Điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Sau khi đã thay đổi vốn Điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN, Ngân hàng đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan Công chứng Nhà nước) cho NHNN, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn Điều lệ mới.
4. Hội đồng quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Ngân hàng.

### **Điều 19. Nguồn vốn và sử dụng vốn :**

1. Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:
  - a) Vốn điều lệ của Ngân hàng;
  - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
  - c) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
  - d) Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Điều lệ này. Vốn huy động là tài sản của các chủ sở hữu, Ngân hàng được quyền sử dụng và có trách nhiệm hoàn trả vốn đã huy động đúng thời hạn cả vốn và lãi.
  - e) Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ;
  - f) Vốn tài trợ, vốn uỷ thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao;
  - g) Vốn tiếp nhận : Ngân hàng tiếp nhận vốn theo sự uỷ thác đầu tư phát triển và sử dụng đúng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân uỷ thác và trình tự kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý vốn đầu tư phát triển;
  - h) Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật; được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;
3. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

## **CHƯƠNG V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG**

## CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

### Điều 20. Cổ phần, Cổ đông

1. Cổ đông của Ngân hàng bao gồm: cổ đông thể nhân và cổ đông pháp nhân, trong đó có cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước hoặc công ty cổ phần (có vốn góp của doanh nghiệp Nhà nước trên 30% vốn điều lệ) tham gia. Ngân hàng có ít nhất 35 cổ đông. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Ngân hàng khi được NHNN cho phép.
2. Các loại cổ phần, cổ đông :
  - 2.1 Ngân hàng chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông.
  - 2.2 Ngân hàng có cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông.
    - 2.2.1 Cổ đông sáng lập là cổ đông đứng ra vận động thành lập Ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Danh hiệu "Cổ đông sáng lập" được gắn liền với nhân thân của cổ đông.
    - 2.2.2 Các cổ đông sáng lập của Ngân hàng bao gồm :

STT	TÊN	Số cổ phần	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng
01	Tổng công ty bay dịch vụ	4.669	4.669	23,34%
02	Công ty GAET	8.000	8.000	40,00%
03	Nhà máy Z113	500	500	2,50%
04	Công ty Pesco	500	500	2,50%
05	Công ty May 28	1.000	1.000	5,00%
06	Công ty cơ điện vật liệu nổ 31	500	500	2,50%
07	Công ty Tây Hồ	300	300	1,50%
08	Tổng công ty Thành An	1.000	1.000	5,00%
09	Ông Lê Văn Bé	10	10	0,05%
<b>Tổng cộng</b>		<b>16.479</b>	<b>16.479</b>	<b>82%</b>

Với tổng số vốn cổ phần là 16.479 triệu đồng, chiếm 82% vốn Điều lệ khi thành lập Ngân hàng.

- 2.2.3 Các cổ đông sáng lập có tên trên đây đã được Đại hội đồng cổ đông họp vào ngày 29 tháng 04 năm 1995 tại Hà nội nhất trí chấp thuận.
3. Mệnh giá một cổ phần của Ngân hàng là 10.000 đồng (Bằng chữ : Mười nghìn đồng Việt Nam). Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác.
4. Trường hợp góp vốn bằng tài sản, thì phải là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu các tài sản này thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23-Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Hội đồng Quản trị

là cơ quan có thẩm quyền định giá tài sản góp vốn vào Ngân hàng và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn.

5. Khi Ngân hàng tăng vốn điều lệ, Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn mệnh giá cổ phần tại thời điểm chào bán.
6. Cổ phần dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông, theo tỷ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) đăng ký mua. Số cổ phần còn lại không được cổ đông nào đăng ký mua theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

#### **Điều 21. Giới hạn sở hữu cổ phần**

1. Một doanh nghiệp Nhà nước và các công ty do doanh nghiệp Nhà nước đó nắm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở lên không được cùng sở hữu số cổ phần vượt quá 30% vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Đối với cổ đông không phải là doanh nghiệp Nhà nước: Một tổ chức và người đại diện, hoặc công ty và các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân được sở hữu số cổ phần không quá 20% vốn điều lệ của Ngân hàng.
3. Cổ đông thể nhân được sở hữu số cổ phần không quá 10% vốn điều lệ của Ngân hàng.
4. Cổ đông thể nhân và những người liên quan trong gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột) được sở hữu số cổ phần không quá 20% vốn điều lệ của Ngân hàng.
5. Trong một gia đình đã có người là đại diện cho phần vốn của một cổ đông pháp nhân góp vốn vào Ngân hàng thì tổng số cổ phần sở hữu của các thành viên còn lại phải đảm bảo tỷ lệ nhỏ hơn 10% vốn điều lệ của Ngân hàng.
6. Khi được NHNN cho phép bán cổ phần cho người nước ngoài, một cổ đông pháp nhân nước ngoài được sở hữu tối đa không quá 10% vốn điều lệ và một cổ đông thể nhân nước ngoài được sở hữu tối đa không quá 5% vốn điều lệ. Tổng số cổ phiếu của Ngân hàng do các cổ đông nước ngoài nắm giữ tối đa không quá 30% vốn điều lệ. Trường hợp cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán thì giới hạn sở hữu cổ phần đối với cổ đông nước ngoài tuân theo các quy định của Nhà nước về tỷ lệ được phép tham gia của cổ đông nước ngoài.

#### **Điều 22. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu của Ngân hàng có thể được chuyển nhượng, tặng cho và thừa kế theo quy định của pháp luật. Toàn bộ cổ phiếu của Ngân hàng là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu của Ngân hàng có thể được phát hành và lưu ký tại Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long.
2. Cổ phiếu của Ngân hàng bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
  - a. Tên, trụ sở chính của Ngân hàng;

- b. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e. Tên cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên);
  - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
  - g. Chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và dấu của Ngân hàng;
  - h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;
3. Mỗi cổ đông sẽ được ngân hàng cấp cổ phiếu hoặc cấp Sổ cổ phiếu để ghi nhận số vốn góp.
  4. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành, hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các Cổ đông lớn, Cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài sở hữu phải được đăng ký.
  5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một tờ cổ phiếu, tờ cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
  6. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Ngân hàng.
  7. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng.
  8. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về mức Vốn điều lệ mới, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

### **Điều 23. Chuyển nhượng Cổ phần**

1. Các cổ đông sở hữu cổ phần có ghi tên muốn chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký làm thủ tục tại Ngân hàng hoặc tại Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long. Việc chuyển nhượng chỉ được thực hiện sau khi Hội đồng Quản trị Ngân hàng chấp thuận.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời gian đương nhiệm và trong thời gian đang xử lý các hậu quả về vật chất theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông do trách nhiệm cá nhân không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp sau:
  - a. Chuyển nhượng số cổ phần vượt mức tối thiểu để tham gia các chức danh theo qui định tại Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần.
  - b. Cổ đông pháp nhân sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo qui định pháp luật hoặc cổ đông thể nhân chết, mất năng lực hành vi hoặc phải chuyển nhượng bắt buộc theo quyết định của cơ quan luật pháp sau khi xử lý dứt điểm nghĩa vụ tài chính có liên quan cổ đông tại Ngân hàng.
3. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu có ghi tên được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định trong Điều 27 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.

4. Tổng mức chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên (kể từ lần chuyển nhượng gần nhất được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước) vượt quá 20% Vốn Điều lệ và việc thay đổi tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước. Trình tự thủ tục xin thay đổi cổ phần có ghi tên của cổ đông phải thực hiện theo đúng quy định của NHNN.
5. Việc chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định hướng dẫn thi hành. Hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được uỷ quyền hợp pháp của những người này ký. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của ngân hàng.
6. Đối với những cổ đông thể nhân bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
7. Ngân hàng chấp hành các quy định về niêm yết, phát hành cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo quy định của NHNN, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Điều lệ của Ngân hàng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

#### **Điều 24. Đại diện cổ đông.**

1. Đại diện cổ đông pháp nhân là đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó. Đại diện cổ đông thể nhân là chính thể nhân đó.
2. Đại diện cổ đông có thể tự mình hoặc cử một người khác, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, để thực hiện các quyền của cổ đông hoặc trực tiếp tham gia quản lý tại Ngân hàng (đối với pháp nhân), nếu Điều lệ của pháp nhân không quy định khác.
3. Việc cổ đông cử người đại diện hoặc thay thế người đại diện tại Ngân hàng phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người uỷ quyền (đối với cổ đông thể nhân), hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân (đối với cổ đông pháp nhân) và gửi cho Hội đồng Quản trị Ngân hàng. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.
4. Trường hợp cổ đông pháp nhân sáp nhập, hợp nhất, hoặc được thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới phải gửi Ngân hàng các văn bản pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất, hoặc kế thừa. Hội đồng Quản trị đối chiếu với các quy định tại Điều lệ này để xử lý về cổ đông, người đại diện và cổ phần.
5. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của pháp nhân này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác.

#### **Điều 25. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ mua cổ phần tại Ngân hàng.**

1. Để trở thành cổ đông của Ngân hàng, các tổ chức phải có tư cách pháp nhân; các thể nhân phải có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.
2. Pháp nhân, thể nhân mua cổ phiếu của Ngân hàng phải nộp hồ sơ cho Hội đồng Quản trị bản chính (hoặc bản sao có công chứng) những tài liệu dưới đây :
  - Đối với pháp nhân :

- 1> Đơn xin mua cổ phiếu do người đại diện hợp pháp của pháp nhân ký tên, đóng dấu (theo mẫu);
- 2> Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép hành nghề, đối với một số ngành nghề bắt buộc phải có giấy phép (đối với pháp nhân lần đầu mua cổ phiếu của Ngân hàng);
- 3> Biên bản họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên (đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, xí nghiệp liên doanh) về việc quyết định mua cổ phiếu và cử người đại diện tại Ngân hàng; đối với Doanh nghiệp Nhà nước là văn bản hoặc xác nhận của cơ quan tài chính có thẩm quyền về nguồn gốc hợp pháp của số tiền mua cổ phiếu;
- 4> Văn bản cử người đại diện của cổ đông pháp nhân tại Ngân hàng;
- 5> Bảng tổng kết tài sản hoặc cân đối tài khoản tính đến thời điểm gần nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh;
- 6> Bản kê khai số tiền mua cổ phiếu, hùn vốn liên doanh với các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và chức vụ tại các tổ chức đó của người đại diện cổ đông pháp nhân ;
- 7> Các tài liệu khác để làm rõ những nội dung trên.

- Đối với thể nhân :

- 1> Đơn xin mua cổ phiếu, trong đó cam kết mua đủ số cổ phiếu đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phiếu;
- 2> Cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần của Ngân hàng trở lên phải kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các bản kê khai theo các nội dung như : Các chức vụ, nghề nghiệp đã qua; chức vụ hiện tại; hiện đang là chủ sở hữu số vốn góp vào những doanh nghiệp nào, số lượng và tỷ lệ góp vốn tại những doanh nghiệp đó.

3. Nguồn vốn mua cổ phần.

- Doanh nghiệp Nhà nước : mua bằng nguồn vốn được phép theo quy định của Nhà nước, sau khi đã trừ đi phần góp vốn Điều lệ trong liên doanh, hùn vốn, mua cổ phiếu của doanh nghiệp khác;
- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác : mua bằng nguồn vốn tự có, sau khi đã trừ đi mức vốn pháp định theo ngành nghề kinh doanh và phần góp vốn Điều lệ trong liên doanh, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác;
- Doanh nghiệp không được dùng nguồn vốn vay để mua cổ phần của Ngân hàng.

## CHƯƠNG VI. CÁC CƠ QUAN VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH

### Điều 26. Các cơ quan

97  
ANG  
MA  
I AN  
ĐỘ  
TP

Cơ quan của Ngân hàng bao gồm:

- a. Đại hội đồng Cổ đông;
- c. Hội đồng quản trị;
- d. Thường trực Hội đồng Quản trị;
- e. Ban kiểm soát;
- f. Tổng giám đốc.

## CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 27. Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, trụ sở của Ngân hàng;
  - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán;
  - c. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Định kỳ 6 tháng một lần Ngân hàng phải có báo cáo bằng văn bản cho Chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.

### Điều 28. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự họp và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu đủ số cổ phần tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Ngân hàng tăng Vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện bằng thông báo chào bán có nêu rõ số cổ phần chào bán và thời gian chấp nhận mua (không dưới 15 ngày). Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần mới, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;
  - d. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, phù hợp với các quy định của NHNN;

- e. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
  - f. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Ngân hàng; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình. Hội đồng Quản trị Ngân hàng quy định cụ thể về nội dung ủy quyền;
  - g. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Ngân hàng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản;
  - h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Cổ đông sáng lập của Ngân hàng ngoài các quyền của cổ đông phổ thông còn có các quyền sau:
- a. Được giữ "Danh hiệu Cổ đông sáng lập" trong suốt thời gian là cổ đông Ngân hàng. Danh hiệu Cổ đông sáng lập gắn liền với nhân thân cổ đông;
  - b. Ứng cử chức danh thành viên Hội đồng Quản trị mà không lệ thuộc vào quy định số cổ phần tối thiểu bắt buộc phải có đối với thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này;
  - c. Danh hiệu cổ đông sáng lập và quyền ứng cử chức danh thành viên Hội đồng Quản trị không được chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng ... dưới mọi hình thức.

### **Điều 29. Nghĩa vụ của Cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Mua đủ cổ phần đã cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
2. Chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng;
3. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp;
5. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào;
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 30. Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng và tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp. Các cổ đông tự mình tham dự hoặc cử người đại diện cho mình tham dự họp. Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người uỷ quyền, theo quy định của Hội đồng Quản trị.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và thời gian cách nhau không quá 15 tháng giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

### **Điều 31. Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông sẽ được coi là cần thiết phải triệu tập nếu Kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là cần thiết để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Ngân hàng và thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị như vậy.
  - b. Tình hình tài chính của Ngân hàng cho thấy Ngân hàng bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN.
  - c. Khi cần quyết định chủ trương xử lý các vấn đề bất thường trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các tranh chấp, tố tụng quan trọng; hoặc xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.
  - d. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban kiểm soát nhỏ hơn hai phần ba tổng số thành viên quy định của Điều lệ Ngân hàng hoặc không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng;
  - e. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
  - f. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do cho rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 86 của Luật Doanh nghiệp; Điều 44, Điều 45 - Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
  - g. Theo yêu cầu của giám đốc chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
4. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 1 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội Cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

### **Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
  - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
  - b. Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo kiểm toán, quyết toán tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, chia lợi tức cổ phần và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị; Phương hướng, nhiệm vụ và ngân sách tài chính cho năm tài chính mới;
  - c. Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
  - d. Quyết định các vấn đề liên quan đến chủ trương, định hướng phát triển ngân hàng trong các thời kỳ trung và dài hạn; các chương trình đầu tư và các vấn đề liên quan đến hoạt động ngân hàng vượt quá thẩm quyền của Hội đồng Quản trị (nếu có);
  - e. Thành lập công ty trực thuộc;
  - f. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại, giải thể ngân hàng và công ty trực thuộc của ngân hàng;
  - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của ngân hàng; Quy chế nhân viên, biên chế, quỹ lương, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - h. Quyết định đề án hoạt động đối ngoại;
  - i. Quyết định phương án xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật;
  - j. Thông qua phương án góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác;
  - k. Quyết định việc tăng vốn Điều lệ, thông qua Phương án tăng vốn Điều lệ;
  - l. Thông qua việc mua cổ phiếu bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
  - m. Quyết định các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 77, 78, 79, 80 của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới luật) có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của Ngân hàng (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ;
  - n. Quyết định những thay đổi quy định tại Khoản 1, Điều 31 Luật các Tổ chức Tín dụng, trừ những thay đổi về địa điểm sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, về chuyển nhượng cổ phần có ghi tên quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước và về Tổng giám đốc Ngân hàng;
  - o. Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
  - p. Bầu, bãi nhiệm miễn nhiệm thành viên của Hội đồng quản trị, và Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung thay thế;
  - q. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Ngân hàng;

- r. Quyết định các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc:
    - a. Bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến Điều 45 mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
    - b. Mua cổ phiếu từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào của cổ đông đó;
  3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

### **Điều 33. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với thể nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

### **Điều 34. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.
2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản. Hội đồng quản trị quy định cụ thể về văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
  - a. Trường hợp cổ đông là thể nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân, số cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; Họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; Người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.
  - b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, Họ tên và số chứng minh thư nhân dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; Họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người

được uỷ quyền; Người uỷ quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người uỷ quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người uỷ quyền.

### **Điều 35. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp, và Thông báo**

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:
  - a. Lập một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết như quy định tại Điều 33 của Điều lệ này, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy chế của Ngân hàng;
  - b. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;
  - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội đồng cổ đông và gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông cho họ.
2. Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Giấy mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp, hoặc thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng. Giấy mời họp và tài liệu phải được gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày Đại hội Cổ đông. Nếu Ngân hàng có một trang web, thông báo về Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang web đó đồng thời với việc gửi giấy mời và tài liệu cho các cổ đông.
3. Cổ đông lớn có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến ngân hàng chậm nhất ba ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ Ngân hàng và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 36. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và Biên bản**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.  
Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 30% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự cuộc họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông với tư cách quan sát viên, nếu không tham dự họp với tư cách cổ đông, để giám sát quá trình tổ chức và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo lần thứ ba.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì một thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không uỷ quyền cho bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào, thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có mặt dự họp tại Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập bởi Ban kiểm soát hoặc cổ đông lớn thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Khi bầu cử và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, một cổ phần được đại diện bằng một phiếu biểu quyết.
5. Thể thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bao gồm : bỏ phiếu kín theo tỷ lệ vốn góp, hoặc biểu quyết bằng thẻ hoặc biểu quyết giơ tay (Đại hội đồng cổ đông quyết định thể thức thông qua cụ thể). Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:
  - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
  - b. Đối với quyết định về số lượng cổ phần được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng; chia tách, sáp nhập, hợp nhất, mua lại hoặc bán lại, giải thể Ngân hàng và công ty trực thuộc của Ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
6. Người chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các Biên bản. Các Biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội

đó. Biên bản này phải được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên chủ yếu gồm các nội dung sau đây:

- a. Ngày tháng và địa điểm tổ chức Đại hội Cổ đông;
  - b. Chương trình họp;
  - c. Đại biểu tham dự, họ tên Chủ tịch (Chủ tọa) và thư ký;
  - d. Tóm tắt các bài phát biểu tại Đại hội Cổ đông;
  - e. Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội Cổ đông thông qua, số phiếu thuận, số phiếu chống, số phiếu trắng và những vấn đề còn tồn đọng.
  - f. Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;
  - g. Tổng số phiếu về từng vấn đề; và
  - h. Tên và chữ ký của Chủ tịch (Chủ tọa) và thư ký.
7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.
8. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông qua, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông.
9. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm bảo đảm các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần của mình.
10. Các cổ đông đến dự họp Đại hội đồng muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

### **Điều 37. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự nhất trí bằng văn bản của các cổ đông đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
  - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
  - b. Gửi các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng.
  - c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 ngày kể từ Ngày hoàn trả, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kết quả

biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án hoặc NHNN xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo quy định hiện hành của NHNN và Điều lệ của Ngân hàng.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Ngân hàng.

## **CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 39. Nhiệm vụ chung**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị cử ra Thường trực Hội đồng Quản trị để thường xuyên nắm tình hình hoạt động và xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động ngân hàng. Nhiệm vụ quyền hạn của Thường trực Hội đồng Quản trị được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị ngân hàng.
3. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.
4. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
5. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Thống đốc NHNN chuẩn y.

### **Điều 40. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.**

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc:

- a. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b. Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu, các tội nghiêm trọng về kinh tế;
- c. Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án;
- d. Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc của một công ty đã bị phá sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật phá sản doanh nghiệp, cụ thể là: doanh nghiệp bị phá sản vì các lý do bất khả kháng do Chính phủ quy định; hoặc Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp chịu trách nhiệm về lý do doanh nghiệp bị phá sản; hoặc Giám đốc hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã tự nguyện đề đơn xin tuyên bố phá sản doanh nghiệp đúng pháp luật và đã trả đủ nợ cho các chủ nợ;
- e. Đã từng là đại diện theo pháp luật của một công ty bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- f. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 9, Điều 90 Luật doanh nghiệp, Điều 17 Pháp lệnh cán bộ công chức, Điều 13 Pháp lệnh chống tham nhũng, Điều 40 Luật các tổ chức tín dụng, bao gồm:
  - f.1 Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân;
  - f.2 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân trừ trường hợp các cán bộ, công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được cơ quan có thẩm quyền quản lý cử làm người đại diện cơ quan để đại diện phần vốn góp thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại Văn bản số 275/CP-KTTH ngày 22 tháng 03 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ và được Đại hội đồng cổ đông bầu vào các chức vụ quản lý, kiểm soát tại Ngân hàng;
  - f.3 Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác.
  - f.4 Người chưa thành niên, người đã thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - f.5 Người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;
- g. Đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng;
- h. Có bố, mẹ, vợ, chồng, con đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng;
- i. Là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đang được Ngân hàng cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi;
- j. Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN;

- k. Không đảm bảo quy định khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Ngân hàng

#### **Điều 41. Đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc :
  - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
  - b. Tư cách pháp nhân của cổ đông chấm dứt;
  - c. Thuộc một trong các đối tượng quy định từ Điểm a đến Điểm f của Khoản 1 của Điều 40 Điều lệ này;
  - d. Mất tư cách đại diện quản lý cổ phần của cổ đông pháp nhân;
  - e. Khi bị Toà án trực xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Chức danh đã được Thống đốc NHNN chuẩn y của những người quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
3. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e của khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 61 của Điều lệ này.

#### **Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
  - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
  - b. Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
  - c. Thuộc đối tượng vi phạm quy định tại Điểm g đến Điểm j của Khoản 1 và Khoản 2 của Điều 40 của Điều lệ này;
  - d. Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Ngân hàng quy định (áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị);
  - e. Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Ngân hàng về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
  - f. Vi phạm quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

#### **Điều 43. Kiểm soát đặc biệt**

1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Ngân hàng có quyền tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.
2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do vi phạm Điều 42 Điều lệ này và chờ làm thủ tục trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

### **CHƯƠNG IX. CÁC NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 44. Nghĩa vụ thận trọng**

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành có nghĩa vụ :

1. Không tiết lộ bí mật của Ngân hàng;
2. Không hành động vượt quá quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định trong Điều lệ này.
3. Khi Ngân hàng không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì;
  - a. Phải thông báo tình hình tài chính của Ngân hàng cho tất cả chủ nợ biết;
  - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Ngân hàng, kể cả cho người quản lý;
  - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm trên của khoản này;
  - d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Ngân hàng;

#### **Điều 45. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành Ngân hàng phải lương thiện, chí công vô tư, không gây mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích ngân hàng và có các nghĩa vụ :
  - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
  - b. Không lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Ngân hàng để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; chiếm đoạt cơ hội kinh doanh, làm thiệt hại lợi ích của ngân hàng; không được đem tài sản của Ngân hàng cho người khác;

502  
NHÀ  
NG  
PHÁ  
N Đ  
- T

- c. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Các hợp đồng kinh tế, dân sự (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 77, 78, 79, 80 của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn dưới luật) của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn và với người có liên quan của họ, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
    - a. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của Ngân hàng (theo quy định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.
    - b. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn tự có của Ngân hàng (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.
  3. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.
  4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng hay của các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

#### **Điều 46. Trách nhiệm.**

1. Trách nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các thành viên khác của Ban điều hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế nội bộ của ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. Bồi thường. Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của ngân hàng mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

## **CHƯƠNG X. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 47. Thành phần và Nhiệm kỳ**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên. Một thành viên Hội đồng quản trị phải sở hữu số cổ phần của Ngân hàng tối thiểu là 1,5% vốn điều lệ (đối với cổ đông thể nhân); hoặc tối thiểu là 2% vốn điều lệ (đối với cổ đông pháp nhân). Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ dài nhất 5 năm nhưng không ít hơn 2 năm và có thể được bầu lại. Việc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông nhất trí, đảm bảo nguyên tắc kế thừa, tối thiểu 50% số thành viên Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ sau đã là thành viên Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ trước. Cổ đông sáng lập được tham gia ứng cử thành viên HĐQT mà không phụ thuộc vào số cổ phần tối thiểu bắt buộc phải có nêu trên.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải được NHNNVN chuẩn y.
4. Thành viên HĐQT Ngân hàng:
  - Là cổ đông hoặc đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân;
  - Là người có uy tín, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn, hiểu biết về hoạt động ngân hàng;
  - Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 4 – Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định 1087/2001/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 8 năm 2001. Cụ thể :
    - a. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
    - b. Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu, các tội nghiêm trọng về kinh tế;
    - c. Đã bị kết án mà chưa được xoá án;
    - d. Đã từng là Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ các trường hợp : doanh nghiệp bị phá sản vì các lý do bất khả kháng do Chính phủ quy định; hoặc Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp chịu trách nhiệm về lý do doanh nghiệp bị phá sản; hoặc Giám đốc hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã tự nguyện đề đơn xin tuyên bố phá sản doanh nghiệp đúng pháp luật và đã trả đủ nợ cho các chủ nợ;
    - e. Đã từng là đại diện của một công ty bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
    - f. Là đối tượng quy định tại Điều 9-Luật doanh nghiệp, Điều 17-Pháp lệnh Cán bộ công chức, Điều 13-Pháp lệnh chống tham nhũng, Điều 40-Luật các tổ chức tín dụng. Bao gồm :

- f.1 Cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
- f.2 Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân;
- f.3 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân trừ trường hợp các cán bộ, công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được cơ quan có thẩm quyền quản lý cử làm người thay mặt cơ quan tham gia quản lý, kiểm soát tại Ngân hàng để đại diện phần vốn góp thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại Văn bản số 275/CP-KTTH ngày 22 tháng 03 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ;
- f.4 Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- f.5 Người chưa thành niên: người chưa thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- f.6 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;
- f.7 Đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của Ngân hàng hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của Ngân hàng;
- f.8 Là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đang được Ngân hàng cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi.
- Không kiêm nhiệm là thành viên Hội đồng Quản trị ở quá 5 tổ chức kinh tế khác;
  - Không kiêm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng, Kế toán trưởng tại Hội sở; Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng tại chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc;
5. Chủ tịch HĐQT Ngân hàng và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được phép tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của ngân hàng.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
  - Không kiêm nhiệm là thành viên Hội đồng Quản trị ở quá 2 tổ chức tín dụng tại Việt nam;
  - Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng thương mại cổ phần.
  - Không giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

#### **Điều 48. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng Quản trị thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng, với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - 2.1 Quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  - 2.2 Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
  - 2.3 Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 1 - Điều 32 Điều lệ này.
  - 2.4 Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
    - a. Phê chuẩn Điều lệ Ngân hàng;
    - b. Thành lập công ty trực thuộc;
    - c. Chấp thuận việc mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
    - d. Chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các chủ đầu tư nước ngoài;
    - e. Chấp thuận việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Ngân hàng thương mại cổ phần và sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
    - f. Chấp thuận những thay đổi được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật các tổ chức tín dụng;
    - g. Phát hành cổ phiếu mới;
    - h. Chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát Tổng giám đốc;
    - i. Chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động của Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



3. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty trực thuộc của Ngân hàng.
4. Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do Tổng giám đốc đề nghị.
5. Quy định các mức lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, tiền phạt đối với khách hàng áp dụng trong hệ thống Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật.
6. Quyết định việc trích lập và cách thức sử dụng các Quỹ; việc chia lợi tức cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp các quy định của pháp luật.
7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Ngân hàng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp. Ban hành quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác của Ngân hàng.
8. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Ban kiểm soát xây dựng để Hội đồng quản trị ký ban hành).
9. Ban hành quy định về tổ chức, hoạt động của hệ thống kiểm tra nội bộ; Quy chế hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật; Quy chế tài chính, quy chế lao động, Quy chế tiền lương, khen thưởng kỷ luật. Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động Ngân hàng.
10. Quyết định tổng biên chế, quỹ lương, duyệt quyết toán lương, ban hành khung bậc lương. Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc.
11. Giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác và xem xét sai phạm của những người này gây thiệt hại cho Ngân hàng mình và thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục.
12. Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong Ngân hàng, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy định của Điều lệ Ngân hàng, các quy định của pháp luật và việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
13. Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định tại Điều 23 Luật doanh nghiệp.
14. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị thông qua:
  - a. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của Ngân hàng;
  - b. Các khoản vay, cho vay, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường vượt mức phán quyết của Tổng Giám đốc Ngân hàng;
  - c. Quyết định việc phát hành trái phiếu bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị và thời điểm phát hành khi được NHNN cho phép.
  - d. Đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% số ngân sách năm ghi trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách;
  - e. Những công việc hoặc giao dịch khác được Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền của mình.
15. Hội đồng Quản trị được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Ngân hàng để trình Thống đốc chuẩn y, sau khi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính đã có văn bản chấp thuận.

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 49. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
  - d. Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức khác;
  - e. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - f. Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quản trị hoạt động của Ngân hàng;
  - g. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
  - h. Ký văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
  - i. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của Ngân hàng;
  - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - c. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - d. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến của mình;
  - e. Thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị;
  - f. Hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc họp Hội đồng quản trị phiên bất thường;
  - g. Chấp hành quy định của Điều lệ Ngân hàng về số cổ phần bắt buộc phải có đối với thành viên Hội đồng quản trị;
  - h. Chấp hành các quy định của NHNN và Điều lệ này về việc chuyển nhượng cổ phần.
  - i. Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị và những thành viên này không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

**Điều 50. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị**

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao do

Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

#### **Điều 51. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch (trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất) tạm thời điều hành công việc của Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

#### **Điều 52. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 ngày. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp Bất thường. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị được tiến hành theo đề nghị của:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Trưởng ban Ban Kiểm soát;

- d. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
  - e. Tổng Giám đốc;
  - f. Giám đốc chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm b, c, d, e, f của khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành triệu tập họp Hội đồng quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng quản trị không đủ túc số để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Ngân hàng.
  4. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác do Hội đồng quản trị quyết định.
  5. Thông báo và tài liệu họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành sau 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm bảo vệ bí mật về các thông tin đã được cung cấp.
  6. Số thành viên tham dự yêu cầu. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.
  7. Biểu quyết.
    - a. Mỗi thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện biểu quyết thay. Hội đồng Quản trị quyết nghị theo đa số, trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên có biểu quyết nhất trí, tán thành của Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy nhiệm chủ tọa phiên họp là quyết định.
    - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào



số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp nhận từ bỏ biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 87.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Tuyên bố quyền lợi. Thành viên Hội đồng quản trị nếu theo sự biểu quyết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị, tại đây Hội đồng quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
  - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
10. Biên bản.

Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ toạ, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực khi được trên 50% tổng số thành viên dự họp biểu quyết tán thành, và có tính bắt buộc thực hiện trong toàn hệ thống Ngân hàng. Trường hợp ý kiến của Tổng Giám đốc khác với Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến, và được đề nghị đưa ra Đại hội đồng cổ đông xem xét.

11. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác (nếu HĐQT có yêu cầu), nhưng không tham gia biểu quyết.

12. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, của Ban Kiểm soát và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên được tính vào chi phí hoạt động của Ngân hàng và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### **Điều 53. Thường trực Hội đồng Quản trị.**

1. Hội đồng Quản trị cử ra Thường trực Hội đồng Quản trị để thường xuyên nắm tình hình hoạt động và xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động ngân hàng.
2. Nhiệm vụ quyền hạn của Thường trực Hội đồng Quản trị được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị ngân hàng. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Thường trực Hội đồng Quản trị được quyền ra quyết định và sau đó phải báo cáo Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
3. Thành phần của Thường trực Hội đồng Quản trị gồm : Chủ tịch, các Phó chủ tịch và một số thành viên khác do Hội đồng Quản trị quy định.

#### **Điều 54. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị có thể có các nhân viên giúp việc chuyên trách. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương của các nhân viên giúp việc chuyên trách này.

### **MỤC XI. TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 55. Tổng Giám đốc**

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, quy định rõ lương, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.
3. Tổng Giám đốc Ngân hàng phải hội đủ các điều kiện sau :
  - Tốt nghiệp đại học Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng hoặc tương đương; có ít nhất 5 năm công tác trong ngành ngân hàng; có kiến thức, kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng;
  - Có năng lực quản lý, hiểu biết pháp luật;
  - Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 - Điều lệ này;



- Trường hợp người nước ngoài giữ chức vụ Tổng Giám đốc thì ngoài các điều kiện nêu trên, nhất thiết phải là cổ đông lớn của Ngân hàng và phải cư trú tại Việt nam trong thời gian đương nhiệm.
- 4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các Tổ chức Tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định tại Điều lệ này.
- 5. Tổng Giám đốc không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại tổ chức tín dụng khác hoặc công ty khác, trừ trường hợp là công ty trực thuộc của Ngân hàng và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại công ty trực thuộc đó.
- 6. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
- 7. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 56. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, sau khi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.
4. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Ngân hàng, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.
5. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc cùng với nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.
6. Ngay sau khi có quyết định của Hội đồng quản trị, người được cử làm Tổng Giám đốc được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được cử, Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban

Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng.

### **Điều 57. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị; trình Hội đồng Quản trị các báo cáo theo đúng quy định hiện hành về tình hình hoạt động tài chính và kết quả kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện : phương án huy động vốn, sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; kế hoạch kinh doanh; kế hoạch chi tiêu tài chính và đầu tư vào các dự án theo phương án đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Trực tiếp chỉ đạo bộ máy giúp việc, kiểm tra hoạt động kinh doanh của các đơn vị trực thuộc Ngân hàng
3. Trình Hội đồng quản trị:
  - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;
  - b. Thành lập công ty trực thuộc;
  - c. Thành lập Sở giao dịch, Chi nhánh, Phòng Giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;
  - d. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty trực thuộc;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp, Giám đốc công ty trực thuộc;
  - f. Các Quy chế hoạt động, tổ chức điều hành của Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty trực thuộc; Quy chế tài chính, quy chế lao động, Quy chế tiền lương, khen thưởng kỷ luật.
  - g. Phát hành cổ phiếu mới;
  - h. Phương án hoạt động kinh doanh;
  - i. Quyết định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật;
  - j. Góp vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác;
  - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Ngân hàng và Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp;
  - l. Những thay đổi quy định tại Điều 31 - Luật các tổ chức tín dụng;
  - m. Tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động ngân hàng;
  - n. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước về hoạt động ngân hàng.
4. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ kỹ thuật, quản lý trong kinh doanh và nội quy bảo mật, các thông tin kinh tế nội bộ áp dụng thống nhất trong Ngân hàng.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý của Ngân hàng, Sở giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tuyển dụng, kỷ luật, cho thôi việc nhân viên Ngân hàng; quyết định lương, phụ cấp đối với người lao động, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc theo đúng pháp luật và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành;
6. Đại diện cho Ngân hàng trong quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;
7. Ký các báo cáo, hợp đồng, chứng từ của Ngân hàng trong phạm vi quyền hạn và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về các quyết định của mình;
8. Từ chối thực hiện những Quyết định của Hội đồng Quản trị Ngân hàng, nếu trái pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát;
9. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về các quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền giải quyết tiếp;
10. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cung cấp tài liệu cho Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh; chuẩn bị tài liệu và đảm bảo điều kiện làm việc cho Hội đồng Quản trị Ngân hàng.
11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
12. Bắt đầu đảm nhiệm công việc của mình và chịu trách nhiệm trước cổ đông, trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Ngân hàng sau khi có quyết định của Hội đồng Quản trị. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị Ngân hàng, có hiệu lực pháp lý khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị để họp xem xét, trước ít nhất là 60 ngày
13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, và quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG XII. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 58. Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có thành viên tối thiểu là 3 người và ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên Ngân hàng. Tất cả các thành viên Ban kiểm soát phải là cổ đông của Ngân hàng.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.
4. Thành viên Ban Kiểm soát phải hội đủ những tiêu chuẩn sau :

- Là cổ đông, am hiểu kỹ thuật nghiệp vụ ngân hàng, hiểu biết pháp luật, có bằng đại học hoặc tương đương một trong các ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Có thâm niên công tác một trong các lĩnh vực : Ngân hàng, Kinh tế, Tài chính, Kế toán, Kiểm toán không dưới 5 năm;
- Có phẩm chất liêm khiết, trung thực, độc lập trong công việc.
- Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này

**Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhận chức danh đó.
2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
  - a. Kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng;
  - b. Thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng;
  - e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến hoạt động tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;
  - f. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng để thực hiện các nhiệm vụ của mình;
  - g. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp; Điều 44, Điều 45 - Điều lệ này.
  - h. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
  - a. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm g, Khoản 2 Điều này và Điểm g, Khoản 2 Điều 59 của Điều lệ này;
  - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
  - c. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;

- d. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;
  - e. Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ;
  - f. Chấp hành việc sở hữu số cổ phần tối thiểu và các quy định khác của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ này; và
  - g. Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
2. Thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
    - a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;
    - b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
    - c. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh;
    - d. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng cổ đông;
    - e. Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát;
    - f. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
    - g. Hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 59 Điều lệ này;
    - h. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động Ngân hàng. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ.
    - i. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Đại hội cổ đông.
  3. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát được hưởng lương, các thành viên Ban kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên Ban kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (Lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số chi phí công vụ mà mỗi thành viên Ban kiểm soát đã nhận được nêu trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng.
  4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát và phải đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên

bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

#### **Điều 61. Thay thế thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.
4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

#### **Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp thường kỳ. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp Bất thường. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Trưởng Ban kiểm soát;
  - d. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
  - e. Tổng Giám đốc;
  - f. Giám đốc Chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e, f của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp,

sau hai lần đề nghị kể trên mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo chi nhánh NHNN nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại (nếu có).

4. Thông báo và Chương trình họp: Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát phải được gửi *tối thiểu 2 ngày* trước ngày họp.
5. Số thành viên tham dự yêu cầu. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.  
Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.
6. Biểu quyết.
  - a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.
  - b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
  - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
  - d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 87.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
7. Tuyên bố quyền lợi. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự biểu quyết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến

hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

8. Biểu quyết đa số. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát uỷ quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
9. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
  - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
  - b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.
10. Biên bản. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi thành biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được chủ toạ và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

### **CHƯƠNG XIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG**

#### **Điều 63. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng**

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng chủ yếu bao gồm các thành phần sau:
  - a. Trụ sở chính;
  - b. Sở Giao dịch, các chi nhánh (chi nhánh cấp 1), văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc;
  - c. Các chi nhánh thuộc chi nhánh cấp 1 (chi nhánh cấp 2);
  - d. Các phòng giao dịch, điểm giao dịch (tổ tín dụng).
2. Ngân hàng được phép mở Sở giao dịch, các chi nhánh cấp 1, cấp 2, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch, điểm giao dịch (tổ cho vay), đơn vị sự nghiệp, các công ty con trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 64. Cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính**



Trụ sở chính bao gồm các thành phần sau:

1. Hội đồng quản trị;
2. Thường trực Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc;
5. Hệ thống kiểm tra nội bộ.

**Điều 65. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc**

1. Các Phó Tổng Giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các phòng ban;
4. Hệ thống Kiểm tra nội bộ.

## **CHƯƠNG XIV. LƯU GIỮ SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG**

**Điều 66. Nghĩa vụ lưu giữ sổ sách và hồ sơ**

1. Ngân hàng sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.
2. Cổ đông lớn đã nắm giữ cổ phần liên tục ít nhất 6 tháng có quyền được xem và nhận bản sao hoặc trích lục Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; các Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; các báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được kiểm toán;
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Mỗi cổ đông có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Nếu Ngân hàng có một trang Web, Điều lệ sẽ được công bố trên trang Web này.

## **CHƯƠNG XV. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

**Điều 67. Người lao động và công đoàn.**

Tổng Giám đốc xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động

của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức Công đoàn, để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

## CHƯƠNG XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

### Điều 68. Cổ tức

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.  
Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời hạn và phương thức trả cổ tức.
2. Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
3. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam.
4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập Danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

## CHƯƠNG XVII. HỆ THỐNG KIỂM TRA NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NÀM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

### Điều 69. Hệ thống Kiểm tra Nội bộ

1. Hệ thống kiểm tra nội bộ thuộc bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc, có chức năng giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng. Những người trong hệ thống kiểm tra nội bộ không kiêm nhiệm các công việc khác của Ngân hàng.
2. Hệ thống kiểm tra nội bộ và các nhân viên làm nghiệp vụ này (Nhân viên kiểm tra nội bộ) độc lập trong hoạt động đối với các bộ phận nghiệp vụ, các sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, các công ty trực thuộc và được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán.
3. Quy chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống kiểm tra nội bộ do Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.

## **Điều 70. Nhân viên kiểm tra nội bộ**

Nhân viên kiểm tra nội bộ của Ngân hàng có các tiêu chuẩn chung của nhân viên ngân hàng và có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hiểu biết pháp luật, thông thạo nghiệp vụ mà mình đảm nhận.
2. Có bằng đại học về ngân hàng hoặc kinh tế, kế toán tài chính.
3. Có ít nhất là 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

## **Điều 71. Trách nhiệm của Hệ thống kiểm tra nội bộ**

Hệ thống kiểm tra nội bộ có các trách nhiệm sau:

1. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc.
2. Kiểm toán hoạt động nghiệp vụ từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác kết quả hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Ngân hàng.
3. Báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ và nêu những kiến nghị khắc phục khuyết điểm, tồn tại.
4. Các trách nhiệm khác theo quy định của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ này.

## **Điều 72. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hệ thống Kiểm tra Nội bộ**

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, đang làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán. Thực hiện bảo mật số liệu và tài liệu theo quy định của pháp luật; không tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm toán khi chưa được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc (sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc) cho phép.
2. Đề nghị Tổng Giám đốc thành lập đoàn kiểm tra, phúc tra để thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất.
3. Trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại trụ sở chính hoặc Tổ trưởng tổ kiểm tra nội bộ tại các sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc được tham dự các cuộc họp do Tổng Giám đốc Ngân hàng hoặc Giám đốc (sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc) xử lý theo thẩm quyền đối với những đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng.
4. Kiến nghị Tổng Giám đốc Ngân hàng hoặc Giám đốc (sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty trực thuộc) xử lý theo thẩm quyền đối với những đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng.
5. Các quyền và trách nhiệm khác được Tổng Giám đốc giao phù hợp với quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này.

### **Điều 73. Chế độ Tài chính**

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng.

### **Điều 74. Các Quỹ của Ngân hàng**

Ngân hàng được lập và sử dụng các Quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 75. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng**

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

### **Điều 76. Kế toán và Thuế**

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
3. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước quy định.

## **CHƯƠNG XVIII. BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 77. Báo cáo Tài chính**

1. Ngân hàng lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo quyết toán lỗ lãi cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và một bản cân đối tài sản cho thấy một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập Báo cáo quyết toán lỗ lãi.
3. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước trong những trường hợp sau:

- a. Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của ngân hàng;
  - b. Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.
4. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng nộp Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 78. Công bố và Thông báo**

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
2. Trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải công khai báo cáo tài chính của mình theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG XIX. KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG**

#### **Điều 79. Kiểm toán**

1. Chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị Ngân hàng phải lựa chọn một công ty kiểm toán để kiểm toán các hoạt động của mình. Tổ chức kiểm toán đó phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập do Hội đồng Quản trị Ngân hàng lựa chọn sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Ngân hàng và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### **CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 80. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt**

1. Trong trường hợp Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Ngân hàng phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
2. Ngân hàng có thể bị Ngân hàng Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
  - a. Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
  - b. Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán; hoặc
  - c. Tổng số lỗ lũy kế của ngân hàng lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số Vốn Điều lệ thực có và các quỹ dự trữ.

3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Ngân hàng có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Ngân hàng.

#### **Điều 81. Phá sản Ngân hàng**

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

#### **Điều 82. Giải thể Ngân hàng**

Ngân hàng bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
2. Khi hết hạn hoạt động Ngân hàng không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.

#### **Điều 83. Thanh lý Ngân hàng**

1. Trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.
2. Khi giải thể theo Điều 80 của Điều lệ này, Ngân hàng tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng chịu.



### **CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 84. Giải quyết Tranh chấp Nội bộ**

1. Việc giải quyết các tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Ngân hàng như: giữa cổ đông (các cổ đông) và Ngân hàng; hoặc giữa cổ đông (các cổ đông) và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, hoặc cán bộ quản lý cấp cao của Ngân hàng sẽ được giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải, các bên cùng có lợi, tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp (trừ trường hợp tranh chấp có liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị) trong vòng 21 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
3. Nếu sau 4 tuần kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền giải quyết mà các bên vẫn không hòa giải được thì bất cứ bên nào cũng có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa Kinh tế - Tòa

án nhân dân thành phố Hà Nội. Kết luận của tòa án là bắt buộc thực hiện đối với các bên. Các bên tự chịu chi phí của mình liên quan đến thủ tục thương lượng, hòa giải và đóng án phí theo Quyết định của tòa án.

## CHƯƠNG XXII. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

### Điều 85. Thông tin Định kỳ

1. Ngân hàng thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng.
2. Ngân hàng được trao đổi thông tin với tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng.
3. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo quy định hoặc yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng.

### Điều 86. Nghĩa vụ Bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Ngân hàng mà mình biết.
2. Ngân hàng được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

## CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 87. Ngày hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM TUÂN